UBND TỈNH TRÀ VINH
TRƯỜNG ĐẠI HỌC TRÀ VINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

CHƯƠNG TRÌNH GIÁO DỤC ĐẠI HỌC
NGÀNH NGÔN NGỮ KHMER

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN: PHONG TỤC VÀ LỄ HỘI KHMER NAM BỘ

Mã số học phần: 200338

I. Thông tin về học phần

Tên học phần: Phong tục và lễ hội Khmer Nam Bộ

Tên Tiếng Anh: **Khmer Customs and festivals in the South**

Đơn vị phụ trách: Bộ môn Sư phạm Ngữ văn và Ngôn ngữ Khmer
Khoa: Ngôn ngữ - Văn hóa - Nghệ thuật Khmer Nam Bộ

Số tín chỉ: 2 tín chỉ (1 tín chỉ lý thuyết; 1 tín chỉ thực hành)

Phân bố thời gian: 10 buổi (04 tiết/buổi/tuần) + 01 tuần (05 tiết/buổi/tuần)

Học kỳ: 3 (Học kì 1 năm thứ 2)

Các giảng viên phụ trách học phần:

- GV phụ trách chính: *ThS. Thạch Thị Rọ Muni (SĐT: 0369 132 649; Email:thachromuni@tvu.edu.vn)*
- GV cùng giảng dạy: *ThS. Lê Thị Diễm Phúc (SĐT: 0777777043; Email: diemphuc@tvu.edu.vn)*
ThS. Tăng Văn Thòn (SĐT: 0384. 976 927; Email: tvthon@tvu.edu.vn)

Điều kiện tham gia học tập học phần:

- Môn học tiên quyết: Không

Học phần thuộc khối kiến thức *(Đánh dấu ✓ vào ô được chọn)*

Đại cương ☐		Chuyên nghiệp ☑					
Bắt buộc ☐	Bắt buộc ☐	Cơ sở ngành ☑		Chuyên ngành ☐		Tốt nghiệp ☐	
		Bắt buộc ☐	Tự chọn ☑	Bắt buộc ☐	Tự chọn ☐	Bắt buộc ☐	Tự chọn ☐

Ngôn ngữ giảng dạy: Tiếng Khmer ☑ Tiếng Việt ☑

II. Lần biên soạn/hiệu chỉnh

- Lần thứ: 1
- Ngày hiệu chỉnh: 23 /7/2020
- Lý do và nội dung hiệu chỉnh:

(a) Thiết kế mới theo chương trình cải tiến AUN-QA (version 2017)

(b) Cập nhật đề cương môn học hàng năm theo Qui định của Trường Đại học Trà Vinh: cập nhật nội dung, PPGD tích cực và Rubric đánh giá.

III. Mô tả học phần

Học trang bị cho sinh viên kiến thức khái quát về phong tục tập quán và văn hóa ứng xử trong cộng đồng người Khmer. Ngoài ra học phần còn giới thiệu đặc trưng của những lễ hội truyền thống của người Khmer Nam Bộ. Từ đó, sinh viên vận dụng vào việc học tập, nghiên cứu để giữ gìn, phát triển nền văn hóa tinh thần vốn phong phú, đa dạng của người Khmer.

IV. Kết quả học tập mong đợi

Học phần đóng góp cho chuẩn đầu ra sau đây của chương trình đào tạo (CTĐT) theo mức độ sau: *(Bảng dưới đây là trích ngang của Matrix: Sự đóng góp của mỗi học phần cho Chuẩn đầu ra (CĐR - ELOs) của CTĐT).*

- *Mức L: Mức độ học tập thấp trong phân loại Bloom's Taxonomy (Kiến thức và Hiểu biết)*
- *Mức M: Mức độ học tập trung bình trong phân loại Bloom's Taxonomy (Ứng dụng và Phân tích);*
- *Mức H: Mức độ học tập cao trong phân loại Bloom's Taxonomy (Đánh giá và Sáng tạo);*
- *Bỏ trống nếu không có đồng ý*

Mã HP	**Tên HP**	**Mức độ đóng góp của học phần cho CĐR của CTĐT**											
		ELO1	ELO2	ELO3	ELO4	ELO5	ELO6	ELO7	ELO8	ELO9	ELO10	ELO11	ELO12
200338	PT & LH KNB	M	M			M	M			M		M	

Ký hiệu	**Kết quả học tập mong đợi (KQHTMĐ) của học phần** Hoàn thành học phần này, sinh viên thực hiện được:	**CĐR của CTĐT**
Kiến thức		
CELO 1	Nhận diện các phong tục, lễ hội Khmer Nam Bộ	ELO: 1
CELO 2	Phân tích đặc trưng các phong tục, lễ hội Khmer Nam Bộ	ELO: 1, 2
Kĩ năng		
CELO 3	Nghiên cứu các phong tục, lễ hội cụ thể của người Khmer Nam Bộ.	ELO: 5, 6, 9
CELO4	Phát triển kĩ năng giải quyết vấn đề, làm việc nhóm; kĩ năng phân tích.	ELO: 5, 6, 9
Thái độ		
CELO 5	Thể hiện ý thức bảo tồn và phát huy các giá trị văn hóa tộc người Khmer Nam Bộ.	ELO: 11

V. Phương pháp giảng dạy và học tập

5.1. Phương pháp giảng dạy

- Thuyết giảng kết hợp trình chiếu Powerpoint

- Thảo luận nhóm và thuyết trình

5.2. Phương pháp học tập

- Lắng nghe, trả lời câu hỏi
- Đọc tài liệu trước khi đến lớp, thảo luận, đặt câu hỏi
- Thuyết trình và viết bài luận.

VI. Nhiệm vụ của sinh viên

- Bắt buộc tham dự ít nhất 80%.
- Đọc trước tài liệu và xem tư liệu video trên web.
- Tích cực tham gia đặt câu hỏi, trao đổi, cầu thị.

VII. Đánh giá và cho điểm

7.1. Thang điểm: 10

7.2. Kế hoạch đánh giá và trọng số

- Đánh giá chuyên cần tham gia trả lời câu hỏi (chiếm 10%)
- Đánh giá quá trình: 02 lần (chiếm 40%) gồm 1 lần thuyết trình nhóm, 1 bài kiểm tra tự luận.
- Đánh giá học phần: thi viết cuối kỳ (chiếm 50%)

VIII. Nội dung học phần và hình thức đánh giá

8.1. Nội dung học phần:

- Nội dung cơ bản, cốt lõi tối thiểu (chiếm khoảng 80 % thời lượng giảng dạy):

Môn học nhằm giúp cung cấp người học (i) Kiến thức tổng quan về Phong tục và lễ hội Khmer Nam Bộ; (ii) phân tích các mối tương quan giữu các lễ hội; (iii) phân biệt các hình thức lễ hội Khmer Nam Bộ.

- Nội dung cập nhật, giới thiệu thêm (chiếm khoảng 20% thời lượng giảng dạy):

Kỹ năng phát hiện sự biến đổi, giao thoa tiếp biến văn hóa, những lưu ý khi tổ chức các lễ hội truyền thống, tôn giáo, phong tục; đọc hiểu, phân tích các công trình đã công bố có liên quan đến phong tục lễ hội Khmer Nam Bộ

8.2. Hình thức đánh giá:

Chương	CELOs	Hình thức đánh giá	Nội dung đánh giá
Chương 1: Phong tục và các đặc trưng cơ bản của phong tục Khmer Nam Bộ	CELO 1, 2, 3, 4, 5	Thuyết trình	Xác định các đặc trưng cơ bản về phong tục của người Khmer Nam Bộ
Chương 2: Lễ hội và các đặc trưng cơ bản của lễ hội Khmer Nam Bộ	CELO 1, 2, 3, 4, 5		Xác định các đặc trưng cơ bản về lễ hội của người Khmer Nam Bộ
Chương 3: Phong tục và lễ hội	CELO 1, 2,	Kiểm tra viết	Phân tích mối quan hệ

trong đời sống của người Khmer Nam Bộ hiện nay	3, 4, 5	tự luận	giữa phong tục, và lễ hội trong cộng đồng người Khmer Nam Bộ

Matrix đánh giá KQHTMĐ của học phần *(Đánh dấu ✓ vào ô được chọn)*

Các KQHTMĐ của HP	Tham dự lớp (10%)	Bài tập/ Thuyết trình (20%)	Bài luận (20%)	Thi cuối kỳ (50 %)
CELO1	X	X	X	X
CELO2	X	X	X	X
CELO3	X	X	X	X
CELO4	X	X	X	X
CELO5	X	X	X	

IX. Nội dung chi tiết của học phần (11 tuần)

Tuần	Nội dung chi tiết	KQHTMĐ của HP (CELO)
1, 2, 3	**Chương 1:** Phong tục và các đặc trưng cơ bản của phong tục Khmer Nam Bộ	CELO 1, 3, 5, 6, 9
	1. Khái niệm phong tục	
	2. Phong tục của tộc người Khmervùng Nam bộ: Sinh đẻ, hôn nhân, tang ma và tục đi tu	
4, 5, 6	**Chương 2:** Lễ hội và các đặc trưng cơ bản của lễ hội Khmer Nam Bộ	CELO 1, 3, 5, 6, 9
	1. Khái niệm lễ, hội	
	2. Lễ hội vùng đồng bào Khmer Nam Bộ: Sene Đôlta, Chol Chnam Thmây, Ok Om Bok	
7, 8, 9, 10, 11	**Chương 3:** Phong tục và lễ hội trong đời sống của người Khmer Nam Bộ hiện nay	CELO 1, 3, 5, 6, 9, 11
	1. Quan hệ giữa phong tục, và lễ hội trong cộng đồng người Khmer Nam Bộ	
	2. Thực hành quan sát viết bài luận về một lễ hội/phong tục của người Khmer hiện nay	

X. Tài liệu tham khảo

1. Nguyễn Đình Chiểu, Thạch Thị Rọ Mu Ni (2015), Tài liệu giảng dạy Phong tục và lễ hội Khmer Nam Bộ, Trường Đại học Trà Vinh

2. Viện Văn hóa (1993), *Văn hóa người Khmer ở Đồng bằng Sông Cửu Long*, NXB. Văn hóa.

1. Trần Văn Bổn (2002), *Phong tục và nghi lễ vòng đời người Khmer Nam Bộ,* NXB Đại học Quốc gia Hà Nội.

2. Nguyễn Công Bình (1990), *Văn hóa cư dân đồng bằng sông Cửu Long*, NXB. Khoa học Xã hội, HN

3. Thạch Phương (1992), *Văn hóa dân gian người Việt ở Nam Bộ*, NXB. Khoa học Xã hội, HN.

4. Ngô Đức Thịnh (2007), *Về tín ngưỡng lễ hội cổ truyền*, Viện Văn hóa & Nhà xuất bản Văn hóa – Thông tin.

5. Huỳnh Ngọc Trảng (1987), *Người Khmer tỉnh Cửu Long, NXB Sở Văn hóa – Thông tin Cửu Long.*

6. Lê trung Vũ (chủ biên) (1992), *Lễ hội cổ truyền*, NXB. Khoa học Xã hội, HN.

7. Trần Văn Bổn (1999), *Một số lễ tục dân gian người Khmer đồng bằng sông Cửu Long*, NXB Văn hóa Dân tộc Hà Nội.

8. Sang Sết (2019), *Phong tục, lễ nghi và tranh ký tự Dân tộc Khmer Nam Bộ,* NXB Văn hóa Dân tộc.

XI. Yêu cầu của giảng viên đối với học phần

- Phòng học, thực hành: phòng học lý thuyết *(trường hợp ngay thời điểm có tổ chức lễ hội GV sẽ hướng dẫn SV đi thực tế quan sát)*
- Phương tiện phục vụ giảng dạy: Máy chiếu

Trà Vinh, ngày tháng năm 2020

TRƯỞNG KHOA	TRƯỞNG BỘ MÔN	GV BIÊN SOẠN
(Kí và ghi rõ họ tên)	*(Kí và ghi rõ họ tên)*	*(Kí và ghi rõ họ tên)*
		Tăng Văn Thòn

KHOA NGÔN NGỮ - VĂN HÓA - NGHỆ THUẬT KHMER NAM BỘ	CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập – Tự do – Hạnh Phúc

LỚP: …….

MÃ LỚP:……

PHIẾU ĐÁNH GIÁ

1. Họ và tên (giảng viên đánh giá): .....
2. Chức danh, học vị: .....
3. Đơn vị công tác: .....
4. Họ và tên sinh viên thực hiện: .....
5. Môn học: .....
6. Địa điểm thực hiện:.....
7. Thời gian đánh giá:.....

Rubric 1: Đánh giá chuyên cần tham gia trả lời câu hỏi

Tiêu chí	Điểm số (Thang điểm 10)	Mức chất lượng			
		Tốt	Khá	Trung bình	Kém
		100%	*75%*	*50%*	*0%*
Chất lượng câu hỏi	4	Sáng tạo, phù hợp	Phù hợp	Có khi phù hợp, có khi chưa phù hợp	Không phù hợp
Chất lượng đóng góp ý kiến	4	Phân tích, đánh giá đầy đủ, đúng và logic	Phân tích, đánh giá đúng nhưng chưa đầy đủ và logic	Phân tích, đánh khá logic nhưng chưa đủ	Phân tích, đánh giá lạc đề
Mức độ tham gia	2	>4 lượt	3-4 lượt	1-2 lượt	Không tham gia

Rubric 2: Đánh giá thuyết trình

Tiêu chí	Điểm số (Thang điểm 10)	Mức chất lượng			
		Tốt	Khá	Trung bình	Kém
		100%	*75%*	*50%*	*0%*

Tham gia nhóm	1	Tích cực tham gia các hoạt động	Thường xuyên tham gia các hoạt động	Ít tham gia các hoạt động	Không tham gia các hoạt động
	1	Tham gia đặt câu hỏi và phản biện câu hỏi >3 lần trong các buổi báo cáo thuyết trình	Tham gia đặt câu hỏi và phản biện câu hỏi >2 lần trong các buổi báo cáo thuyết trình	Tham gia đặt câu hỏi và phản biện câu hỏi >1 lần trong các buổi báo cáo thuyết trình	Không tham gia đặt câu hỏi và phản biện câu hỏi trong các buổi báo cáo thuyết trình
Nội dung	1	Phong phú (Đầy đủ nội dung, hình ảnh đẹp và phù hợp nội dung, có video minh họa, logic, lôi cuốn người nghe)	Đầy đủ (đầy đủ nội dung, hình ảnh phù hợp, có video)	Khá đầy đủ (thiếu 1 nội dung quan trọng)	Chưa đầy đủ (Thiếu nhiều nội dung quan trọng)
Hình thức	1	Đẹp (video rõ, hình ảnh sắc nét, slide hài hòa, nhiều sơ đồ, bảng biểu, thu hút ánh nhìn)	Hài hòa (slide hài hòa, có hình ảnh, sơ đồ, bảng biểu thu hút ánh nhìn)	Rõ ràng (rõ ràng về font chữ, thiếu hình ảnh, bảng biểu)	Chưa đẹp (nhiều font chữ, nhiều chữ trên 1 slide, không thu hút ánh nhìn)
Trình bày báo cáo	1	Mạch lạc, rõ ràng	Khá mạch lạc, rõ ràng	Tương đối rõ ràng	Thiếu rõ ràng
	2	Lập luận khoa học và logic	Lập luận khá khoa học và logic, còn một vài sai sót nhỏ	Lập luận có dựa vào căn cứ khoa học nhưng còn một sai sót quan trọng	Lập luận không có căn cứ khoa học và logic
Tương tác với người	1	Tương tác tốt (cử chỉ, ánh mắt, thái độ cầu thị)	Tương tác khá tốt (cử chỉ, ánh mắt,	Tương tác ít (cử chỉ, ánh mắt, thái độ	Không có tương tác bằng mắt và

nghe			1 vài sai sót về thái độ cầu thị)	cầu thị)	cử chỉ/sai sót lớn trong tương tác
	1	Trả lời đầy đủ, rõ ràng, và thỏa đáng tất cả các câu hỏi quan trọng	Trả lời khá thỏa đáng đa số câu hỏi quan trọng	Trả lời tương đối thỏa đáng một số câu hỏi quan trọng, còn nhiều câu chưa trả lời được	Trả lời sai tất cả các câu hỏi quan trọng
* Sự phối hợp trong nhóm	1	Nhóm phối hợp tốt	Nhóm phối hợp khá tốt	Nhóm có phối hợp nhưng chưa tốt	Không thể hiện sự phối hợp

Rubric 3: Đánh giá Kiểm tra viết tự luận

Tiêu chí	Trọng số (%)	Tốt 100%	Khá 75%	Trung bình 50%	Kém 0%
Nội dung	70	Phân tích đầy đủ, đúng nội dung	Phân tích khá đầy đủ, đúng nội dung	Phân tích chưa đầy đủ, tương đối phù hợp nội dung	Phân tích không đúng nội dung
Hình thức	20	Đạt/vượt yêu cầu	Phù hợp	Tương đối phù hợp	Không phù hợp
Khác: sáng tạo/ấn tượng	10	Thể hiện được quan điểm cá nhân, sáng tạo	Thể hiện được quan điểm cá nhân, chưa sáng tạo	Chưa thể hiện được quan điểm cá nhân, chưa sáng tạo	Không thể hiện được quan điểm cá nhân, không sáng tạo

Rubric 4: Đánh giá THI CUỐI KÌ

Tiêu chí	Điểm số	Mức chất lượng			
		Tốt	**Khá**	**Trung bình**	**Kém**
	10	*100%*	*75%*	*50%*	*0%*
Nội dung	7	- Trả lời đúng tất cả nội dung - Có ví dụ minh họa và phân tích	- Trả lời thiếu tối đa 25% nội dung quan trọng - Có ví dụ minh	- Trả lời thiếu tối đa 50% nội dung quan trọng - Không có ví dụ	- Trả lời thiếu nhiều hơn 50% nội dung quan trọng.

		phù hợp	họa và phân tích phù hợp	minh họa và phân tích phù hợp	
Hình thức	2	-Trình bày mạch lạc, khoa học -Không mắc lỗi hành văn	- Trình bày mạch lạc, khoa học - Có lỗi hành văn	-Trình bày mạch lạc, khoa học - Mắc nhiều lỗi hành văn	-Trình bày không khoa học -Mắc nhiều lỗi hành văn
Ý mới	1	Cộng tối đa 1 điểm cho những bài có nội dung trả lời mang tính mới so với đáp án nhưng vẫn đảm bảo tính chính xác. *Điểm tổng bài thi không quá 10 điểm*			